



Mục tiêu

- ✓ Phép nhân chia với 1, 0
- ✓ Bảng nhân, chia 6, 7

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Bài 1.

1. Có 42 học sinh chia đều vào 6 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?
A. 6 học sinh B. 7 học sinh C. 8 hàng D. 9 học sinh
2. Tìm 1 số mà khi nhân số đó với bất kì số tự nhiên nào ta cũng nhận được kết quả là 0. Số đó là:
A. 0 B. 1 C. 2 D. 10
3. Tìm một số biết rằng lấy số đó trừ đi 34 thì bằng 43 cộng với 58. Số cần tìm là:
A. 101 B. 135 C. 67 D. 91
4. Thương của 6 và 6 là:
A. 0 B. 36 C. 1 D. 12
5. Số nào chia cho 6 để có kết quả là 0?
A. 0 B. 6 C. 1 D. 60
6. Mẹ mua bó hoa về cắm vào 3 lọ hoa, mỗi lọ có 7 bông thì còn thừa 2 bông. Hỏi bó hoa lúc đầu của mẹ có bao nhiêu bông hoa?
A. 12 bông hoa B. 21 bông hoa C. 22 bông hoa D. 23 bông hoa
7. Mẹ mua 18 quả cam, vậy mẹ cần bao nhiêu chiếc đĩa để xếp hết số cam biết rằng mỗi chiếc đĩa chỉ đựng được 6 quả?
A. 12 đĩa B. 24 đĩa C. 3 đĩa D. 4 đĩa

Bài 2. Điền Đ vào ý đúng, S vào ý sai:

- a) Số nào nhân với 1 cũng bằng chính nó. ☐
- b) Số nào chia cho 1 cũng bằng 1. ☐
- c) Số nào nhân với 0 cũng bằng 0. ☐
- d) Số nào nhân với 0 cũng bằng chính nó. ☐
- e) Số 0 chia cho số nào cũng bằng 1. ☐

Bài 3. Số?

..... $\times$ 5 = 0 6 : = 6 : 1 = 1 : 10 $\times$ 5 = 0
 8 $\times$: 5 = 0 6 $\times$ 3 $\times$ = 0 10 $\times$ $\times$ 5 = 0 15 : 5 $\times$ 5 $\times$.. = 0

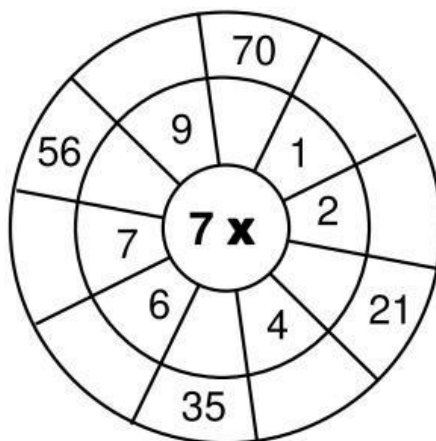
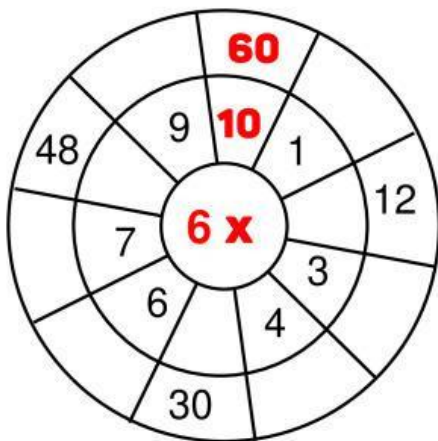
Bài 4. Điền số thích hợp vào ô trống:

a) $17 < \square \times 6 < 19$

b) $5 < \square : 7 < 7$

PHẦN 2. TỰ LUẬN

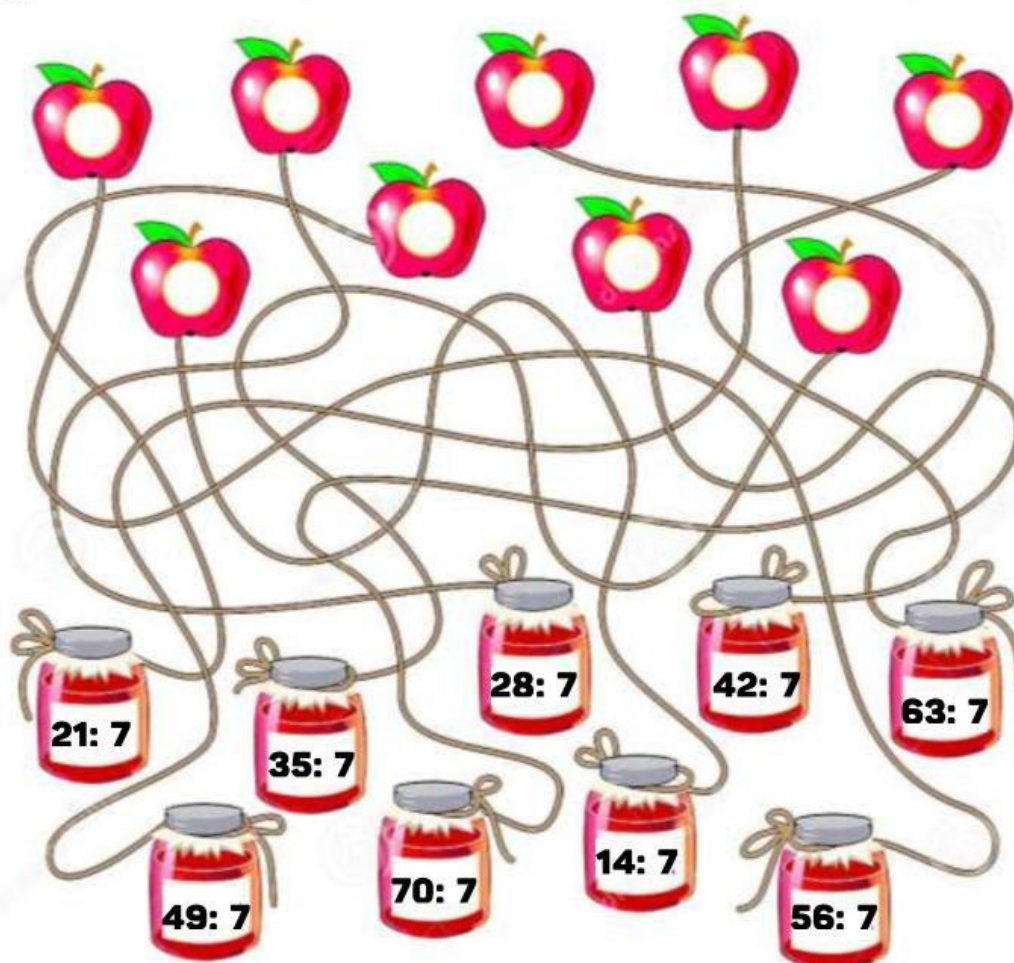
Bài 1. Tính (Theo mẫu)



Bài 2. Viết số thích hợp vào ngôi sao trong bảng sau:

:	12	36	54	30	48
	6	6	6	6	6
	★	★	★	★	★

Bài 3. Số?



Bài 4. Đặt tính rồi tính

$452 + 319$

$99 + 101$

537 - 129

520 - 301

Bài 5. Số?



$7 \times 8 =$

$6:1 =$

$7 \times 1 =$

$24 : 6 =$

$0 \times 5 =$

$21:7 =$

$36 : 6 =$

Bài 6. Nối hai phép tính nào có cùng kết quả:

24 : 3



0 x 3



36 : 4



15 : 5



0:5

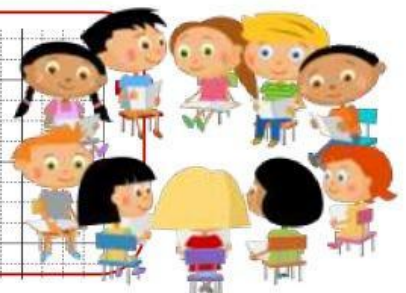
4×2

9:3

3 x 3

Bài 7. Lớp 3A1 có 20 học sinh được chia thành các nhóm, 4 người một nhóm. Hỏi lớp 3A1 chia được bao nhiêu nhóm?

Bài giải



Bài 8. Một đường gấp khúc có ba đoạn thẳng , độ dài mỗi đoạn thẳng là 4m. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

Bài 9. Người bán hàng đổ lạc vào các túi ,mỗi túi 6kg lạc. Hỏi có 18 kg lạc thì đổ được vào bao nhiêu túi như thế?

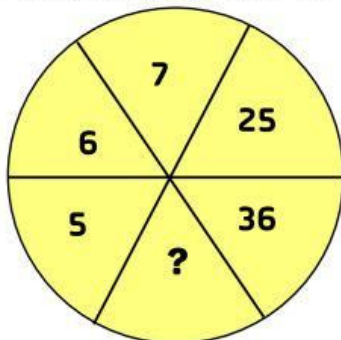
Bài 10. Một ngôi nhà gồm 7 tầng cao bằng nhau. Biết rằng ngôi nhà cao 21m. Hỏi mỗi tầng cao mấy mét?

Bài 11. Tìm một số, biết rằng nếu số đó nhân với 6 rồi cộng với 4 thì được 52. *Trả lời: Số đó là.....*

Bài 12. Nam có hai chục viên bi. Nam cho em 4 viên. Nam chia đều số bi còn lại vào 2 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu viên bi?

Trả lời: Mỗi túi có.....viên bi.

Bài 13. Tìm số thích hợp để điền thay dấu chấm hỏi:



	+		+		=	360
	+				=	220
					=	?